TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hải** và **ông Nhữ Văn Vinh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị May** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà **Hoàng Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2022 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Hương G**, sinh năm 2002.

HKTT: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- Bị đơn: Anh **Đào Văn T**, sinh năm 1997.

HKTT: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn-chị Vũ Hương G trình bày:

Chị và anh Đào Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 25/11/2021. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống anh chị vui vẻ hoà thuận được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng kể từ khi anh chị đi khám hiếm muộn và phát hiện chị bị buồng trứng đa nang nên khó có thể có con. Từ đó, anh

T và gia đình anh có thái độ thờ ơ lạnh nhạt, coi thường chị, thậm chí anh T còn chửi, đánh, đuổi chị. Do tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không có hạnh phúc nên chị đã xin phép về gia đình bố mẹ đẻ ở, không quay lại chung sống cùng anh T nữa, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T có một vài lần đến nhà chị nhưng không có ý thức khắc phục mâu thuẫn mà còn to tiếng, đánh chửi chị trước mặt người thân của chị. Thời gian sau này, chị và anh T chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng cũng không bên nào thiện chí khắc phục mâu thuẫn để tổ chức cuộc sống chung, thậm chí anh T còn có những lời lẽ thiếu tôn trọng và đe dọa chị trên điện thoại.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Đào Văn T trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị G đã trình bày là đúng. Anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vẫn hạnh phúc, tuy nhiên chị G đã tự ý bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở không quay lại chung sống cùng anh, mặc dù anh cố gắng níu kéo nhưng chị G không quay về đoàn tụ. Anh xác định chị G tự ý bỏ về chứ anh không mắng chửi, đánh đuổi, chị G đã cố tình bỏ đi và đòi ly hôn thì anh cũng không thể níu kéo, trói buộc được. Tuy nhiên, anh xác định anh không đồng ý ly hôn, chị G tự làm đơn ly hôn thì tự giải quyết đơn phương anh sẽ không bao giờ đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn cùng chị G. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị G không có con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị G chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do là chưa nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Hương G, xử cho chị Vũ Hương G được ly hôn anh Đào Văn T.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản: Chị G, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Hương G và anh Đào Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 25/11/2021, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm; đặc biệt mâu thuẫn trở lên trầm trọng kể từ sau khi vợ chồng khám hiếm muộn, anh T và gia đình chồng không tôn trọng chị G nên chị đã về gia đình bố mẹ đẻ ở và đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh cũng xác định không còn biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng, mặt khác anh cố tình vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, điều đó thể hiện anh không thực sự tích cực để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hường, xử cho chị G được ly hôn anh T phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị G, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị G khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Hương G, xử cho chị Vũ Hương G được ly hôn anh Đào Văn T.

2- Về án phí: Chị Vũ Hương G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002261 ngày 26/12/2022.

3- Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Hương G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đào Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã V.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Quyên